

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị V, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1991; Nơi cư trú: Ấp LT, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày: Vào năm 2014, anh quen biết với chị Đỗ Thị V, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới, cả hai cùng nhau đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm, cãi vã, không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc, khoảng tháng 9 năm 2023 anh dọn đồ ra ở riêng, cả hai đã không còn sống chung từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn được nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị V. Về con chung: Hai vợ chồng sống chung với nhau có 02 con chung Lê Hồng A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2015 và Lê Hà Phương Th, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2019, hai cháu đang sống chung với chị V, nay ly hôn anh thống nhất nhất giao 02 con chung cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung trưởng thành. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Đỗ Thị V đã được Tòa án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Đỗ Thị V; về nuôi con chung: Giao 02 con chung Lê Hồng A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2015 và Lê Hà Phương Th, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2019 cho chị Đỗ Thị V được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung trưởng thành; về tài sản chung: Anh Lê Thanh T trình bày đã tự thỏa thuận xong, còn chị Đỗ Thị V không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về nợ chung: Anh Lê Thanh T trình bày không có, còn chị Đỗ Thị V không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Lê Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đỗ Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Thanh T và chị Đỗ Thị V là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Thanh T đối với chị Đỗ Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh Lê Thanh T thì cuộc sống của anh và chị Đỗ Thị V không hạnh phúc từ tháng 9 năm 2023 do mâu thuẫn về chuyện tình cảm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc, anh và chị V đã không còn sống chung từ thời điểm đó cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh T và chị V hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Lê Thanh T ly hôn với chị Đỗ Thị V.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Lê Thanh T thống nhất nhất giao 02 con chung Lê Hồng Anh, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2015 và Lê Hà Phương Th, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2019 cho chị Đỗ Thị V được tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung trưởng thành, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh T và chị V không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, công

nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con chung trưởng thành và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Anh Lê Thanh T cho rằng giữa anh và chị Đỗ Thị V đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị Đỗ Thị V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] và nợ chung: Anh Lê Thanh T cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị Đỗ Thị V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T, cho ly hôn giữa anh Lê Thanh T và chị Đỗ Thị V.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Đỗ Thị V được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Lê Hồng A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2015 và Lê Hà Phương Th, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2019.

2.2. Anh Lê Thanh T cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, tự lao động, sinh sống được.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Thanh T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004581 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, anh T còn phải nộp thêm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.LKB, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng